

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
anh C và chị N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Phạm Văn Lịch.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 15, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 1998. Hộ khẩu thường trú: Xóm 15, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

(Anh C, chị N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09-7-2024, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức C và chị Bùi Thị Hồng N kết hôn với nhau ngày 05-9-2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm xa nhà. Đến khi chị N sinh con, anh C đưa chị N về nhà bố mẹ đẻ anh C để sinh con và nhờ ông bà nội chăm sóc hai mẹ con. Sau đó, anh C đi làm tại Hải Nội, chị N ở nhà chăm con. Vợ chồng sống hòa thuận đến khi con được một tháng

tuổi thì giữa chị N và bố mẹ đẻ của anh C có xảy ra mâu thuẫn, xung đột với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh C và chị N thường xảy ra cãi chửi nhau căng thẳng, không thể hòa giải được. Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2023, vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C nhận thấy tình cảm của anh đối với chị N không còn nên đề nghị Tòa án cho anh C được ly hôn chị N để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu K, sinh ngày 13-02-2023. Hiện nay con chung đang ở cùng chị N. Khi ly hôn anh C đề nghị để chị N nuôi dưỡng con chung, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh C xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-8-2024, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Bùi Thị Hồng N có lời khai phù hợp với lời khai của anh C về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống và thời gian sống ly thân. Theo chị N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi đăng ký kết hôn, nguyên nhân là do trước đây vợ chồng làm việc mỗi người ở một nơi, sau đó thống nhất dọn chung về sống cùng nhau thì mẹ anh C không đồng ý nên giữa hai người xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, khi chị N về nhà bố mẹ anh C để sinh con và ở cũ, giữa chị N và bố mẹ đẻ của anh C xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, trong thời gian chị N sinh con, anh C không quan tâm, hời hợt động viên. Do đó, tháng 3/2023, khi con được một tháng tuổi chị N đã đưa con về nhà ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C yêu cầu xin ly hôn, chị N không nhất trí ly hôn vì chị N nhận thấy bản thân vẫn còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do gia đình anh C tác động.

Về con chung: Chị N có lời khai thống nhất với anh C về con chung. Hiện nay con đang ở cùng chị N, trường hợp anh C cương quyết xin ly hôn thì do con còn nhỏ nên chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và nhất trí mức cấp dưỡng anh C đề nghị là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh C và bị đơn chị N đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt anh C, chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị anh Nguyễn Đức C và chị Bùi Thị Hồng N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 05-9-2022. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay anh C xin ly hôn, chị N không nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị N thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N hai bên đều thừa nhận nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị N với gia đình bố mẹ anh C trong thời gian chị N chung sống cùng nhà không hòa hợp, thường bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Từ đó, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng làm hai người hay xảy ra cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, chị N còn cho rằng trong thời gian chị sinh con, anh C không quan tâm, chia sẻ động viên chị. Mặc dù chị N không nhất trí ly hôn nhưng từ khi sống ly thân hai người đều không có biện pháp, hành động thiết thực để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh C đối với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là K, sinh ngày 13-02-2023, hiện con chung đang ở cùng chị N. Khi ly hôn, hai bên thống nhất chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị N như thoả thuận kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con chung thành niên, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung*: Anh C, chị N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Đức C phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức C và chị Bùi Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 13-02-2023 cho chị Bùi Thị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (hiện nay con chung đang ở cùng chị N). Anh Nguyễn Đức C có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị N nuôi con là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con thành niên. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đức C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003269 ngày 05-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh C còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Lịch Lưu Văn Đê

Vũ Văn Ái